TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47**/2021/HNGĐ- ST
Ngày 14/7/2021
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Ông Ma Thị Thu Loan

Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10/6/2021; quyết định hoãn phiên tòa số 31a/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị H, sinh năm 1993.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/12/2014 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn hai vợ chồng cùng làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã khiến cho cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Nay chị xác định tình cảm không

còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Trần Triệu V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 18/01/2018. Khi vợ chồng ly hôn chị có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Trần Văn T không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2021, bà Nguyễn Thị L (Bà L là mẹ ruột của chị H) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của chị H và anh T như chị H trình bày là đúng. Khoảng năm 2019 giữa vợ chồng anh chị có phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh T cũng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Về việc giao nuôi con chung theo bà nên giao cả hai cháu Trần Triệu V và cháu Trần Thanh D cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp vì bản thân anh T hiện nay cũng đang đi làm ăn xa nhà không có mặt tại địa phương.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H, xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T. Giao hai cháu Trần Triệu V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 18/01/2018 cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm con chung. Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có tranh chấp nên không xem xét. Chị Phan Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị H và anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị H khởi kiện yêu cầu

Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Phan Thị H và anh Trần Văn T đều đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị H, HĐXX nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị H và anh T xác định: Chị H và anh T kết hôn vào năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã C, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đến năm 2019 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn đánh, cãi chửi nhau. Bản thân chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Qúa trình giải quyết ly hôn chị H đề nghị được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Triệu V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 18/01/2018. Bản thân anh T hiện nay cũng đang đi làm ăn xa nhà. Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 giao cháu Trần Triệu V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Trần Thanh D, sinh ngày 18/01/2018 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị H xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Trần Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Triệu V, sinh ngày 22/7/2015 và cháu Trần Thanh Du, sinh ngày 18/01/2018 cho chị Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004072 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Văn T không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh